

Số: /STC-QLNS

Tây Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2019

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022;

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Xây dựng Kế hoạch phát triển Kinh tế- Xã hội và Dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2020; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 và kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025 và Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2020; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2019

I. Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN:

1. Các Nghị quyết của Đảng, Hội đồng nhân dân về ngân sách nhà nước (NSNN):

a) Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững (Nghị quyết số 07-NQ/TW);

b) Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Nghị quyết số 36/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 ngày về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; số 29/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 về dự toán ngân sách địa phương (NSDP) năm 2019; số 30/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 về phân bổ NSDP năm 2019.

- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 về kế hoạch đầu tư công

trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh; số 17/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 sửa đổi, bổ sung điều 4 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017;

2. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán NSNN, dự toán kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn NSNN, nguồn được để lại đầu tư chưa đưa vào cân đối, gồm: Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 05/01/2016; Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017; Quyết định số 2979/QĐ-UBND;

3. Các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền có liên quan đến NSNN năm 2019, gồm:

a) Các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2019 (Nghị quyết số 01/NQ-CP), số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 (Nghị quyết số 02/NQ-CP) và các Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ hàng tháng.

b) Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho NSDP thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020 (Quyết định số 579/QĐ-TTg).

c) Các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 31/CT-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về NSNN; số 09/CT-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019 và số 07/CT-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2018 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 (Nghị quyết số 35-NQ/CP).

d) Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2019.

d) Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân, Chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSDP năm 2019.

4. Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN 03 năm 2016-2018; 6 tháng đầu năm 2019 và dự báo, giải pháp phân đầu hoàn thành dự toán NSNN năm 2019 đã được các cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí, phòng chống tham nhũng có liên quan đến hoạt động thu, chi NSNN.

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

1. Nguyên tắc đánh giá

Thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản pháp luật về thuế, phí và lệ phí; không hạch toán vào NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện.

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất - kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường 6 tháng cuối năm, các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố thực hiện rà soát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2019 đã được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

2. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2019, chú ý làm rõ:

- Thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; khả năng triển khai các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; diễn biến thị trường;

- Tác động của **biến động giá hàng hóa nông sản** trên thị trường thế giới và trong nước, tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, việc triển khai Nghị quyết số 35-NQ/CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử, Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 6 tháng đầu năm.

b) Đánh giá tình hình triển khai các quy định về điều chỉnh chính sách thu, trong đó bao gồm:

- Điều chỉnh biểu thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Điều chỉnh thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) theo lộ trình đối với sản phẩm thuốc lá, bia, rượu theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế

TTĐB, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế;

- Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 về lệ phí trước bạ;

- Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Việc cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình cam kết của các hiệp định thương mại;

- Sắp xếp lại, xử lý tài sản công và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (Nghị định số 167/2017/NĐ-CP);

- Các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2019.

c) Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế:

- Rà soát, xác định số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018; việc triển khai thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế, xóa nợ thuế trong 6 tháng đầu năm 2019 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có); đánh giá dự kiến số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

d) Đánh giá tình hình kê khai, nộp thuế và hoàn thuế GTGT:

- Dự kiến số kinh phí hoàn thuế GTGT trong năm 2019 trên cơ sở đảm bảo đúng thực tế phát sinh, đúng chính sách chế độ;

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT, xử lý thu hồi tiền hoàn thuế GTGT sai quy định;

- Đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cơ chế quản lý hoàn thuế GTGT để đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện chi hoàn trả các khoản thuế (ngoài chi hoàn thuế GTGT), tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, theo quy định của pháp luật:

- Đánh giá tình hình thực hiện theo các tiêu chí: số tiền hoàn trả, số bộ hồ sơ xem xét hoàn trả, số lần ra quyết định hoàn trả theo các quy định (Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TTĐB và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB;...);

- Vướng mắc, khó khăn phát sinh và kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, về công nghệ quản lý, về tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện.

e) Đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

g) Báo cáo kết quả phối hợp giữa các sở, ngành trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

h) Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan, trong đó:

- Dự kiến số phát sinh thu phí, lệ phí theo quy định trong năm 2019;

- Số thu phí được để lại, số thu phí nộp NSNN và kết quả thực hiện số thu phí được để lại với số đã thực hiện chi trong năm ngân sách.

Ngoài ra, đối với cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đề nghị báo cáo số phí được để lại chi (chi tiết số sử dụng cho chi thường xuyên và chi cho các chương trình, dự án đầu tư theo quy định); số còn dư đến hết năm 2019 (nếu có).

- Thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2019.

i) Đánh giá các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

III. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

1. Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển

(ĐTPT)

a) Tình hình bố trí và giao dự toán chi ĐTPT năm 2019:

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư;

- Kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn NSNN;

- Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn theo Nghị quyết số 71/2018/QH14 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt - nếu có (chi tiết việc điều chỉnh chi ĐTPT nguồn NSNN, nguồn trái phiếu Chính phủ, nguồn vốn vay/vay lại ngoài nước, vốn vay chính quyền địa phương);

- Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

b) Tình hình thực hiện chi ĐTPT, gồm:

- Chi ĐTPT từ nguồn chi cân đối NSNN (chi tiết theo nguồn: tập trung, xổ số kiến thiết, sử dụng đất): Đánh giá giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II năm 2019, dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ giải ngân so với dự toán (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2018, kế hoạch vốn - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2019, kèm theo thuyết minh); khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị.

Trong đó: đối với chi ĐTPT từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: Đánh giá giá trị khối lượng thực hiện các dự án đầu tư; báo cáo chi tiết các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách, các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng;

- Chi ĐTPT theo hình thức hợp tác công tư: Đánh giá tình hình thực hiện việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao theo Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ.

c) Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng nguồn NSNN (bao gồm cả trái phiếu Chính phủ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012, số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 và số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015): số liệu đến ngày 31 tháng 12 năm 2018; ước số xử lý trong năm 2019; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng còn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

(chi tiết từng dự án).

d) Tình hình triển khai các dự án, chương trình từ nguồn vay và trả nợ các nguồn vốn vay của địa phương.

đ) Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2019 và dự kiến đến hết năm 2019; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển gửi Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển

a) Tình hình thực hiện tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước năm 2019 (tổng mức tăng trưởng tín dụng, các nguồn vốn để thực hiện kế hoạch tăng trưởng tín dụng, nguồn NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất,...); đối tượng hưởng ưu đãi; phạm vi ưu đãi; đầu mối thực hiện chính sách tín dụng; lãi suất cho vay; cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay.

b) Tình hình thực hiện chính sách tín dụng cho các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; tín dụng học sinh, sinh viên; cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;... Mỗi chương trình cho vay cần làm rõ cơ sở pháp lý, phạm vi, đối tượng, điều kiện vay, lãi suất huy động bình quân, lãi suất cho vay bình quân; dư nợ cho vay đầu năm, số phát sinh vay và trả nợ trong năm, dự kiến mức dư nợ cuối kỳ; số kinh phí cấp bù lãi suất còn thiếu đầu năm, số phát sinh trong năm, số đã được cấp bù, số dự kiến còn thiếu cuối năm 2019.

3. Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa: Tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

Các cơ quan, đơn vị tỉnh tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển gửi Sở Tài chính.

IV. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

1. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2019 theo từng lĩnh vực chi được giao.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

a) Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp

với thực tế.

b) Thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2019 và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2019, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương (Nghị quyết số 39-NQ/TW), Kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị (Kết luận số 17-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó chi tiết:

- Số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy từng năm;

- Số kinh phí dành ra được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy từng năm;

- Số kinh phí phải bố trí từng năm từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 113/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

c) Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công:

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2019 chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm (báo cáo số lượng, tỷ lệ đơn vị được phân loại theo mức độ tự chủ từng năm; số lượng và tỷ lệ biên chế của khu vực sự nghiệp theo từng mức độ tự chủ từng năm; số lượng giảm và tỷ lệ giảm biên chế hưởng lương từ ngân sách từng năm của từng lĩnh vực).

- Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến NSNN theo từng lĩnh vực, từng năm (số kinh phí dành ra và việc sử dụng).

Riêng về việc giảm chi hỗ trợ từ NSNN đối với khối các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ, đề nghị đánh giá số giảm đối với từng sự nghiệp (sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề

nghiệp...) và việc sử dụng số kinh phí dành ra, chi tiết từng năm; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

V. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước

1. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

a) Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2019; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện.

Trường hợp các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu có sử dụng nguồn vốn ngoài nước báo cáo tình hình giải ngân (chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, các đề xuất kiến nghị (nếu có).

Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, đánh giá cụ thể tình hình triển khai đối với các huyện, xã, thôn mới được bổ sung theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

b) Cơ quan được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chương trình tổng hợp nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trên phạm vi toàn tỉnh (NSTW, NSDP, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác, nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác) năm 2019, lũy kế tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2019 so với mục tiêu đã phê duyệt giai đoạn 2016-2020 gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

2. Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng vốn ngoài nước:

Các cơ quan, đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2019, lũy kế việc thực hiện giai đoạn 2016-2019 so với mục tiêu, kế giai đoạn 2016-2020 được giao (nếu có)/hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016-2020 theo Hiệp định hoặc Thỏa thuận đã ký kết đối với các chương trình, dự án (bao gồm cả dự án ô), chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

Riêng các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA hoặc vay ưu đãi được điều chỉnh theo Nghị quyết số 71/2018/QH14, cơ quan được giao quản lý chương trình, dự án báo cáo cụ thể về tình hình phân bổ, điều chỉnh, giao kế

hoạch vốn (bao gồm cả kế hoạch vốn bổ sung, điều chỉnh theo Nghị quyết số 71/2018/QH14 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt - nếu có) và việc triển khai thực hiện.

VI. Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương

1. Các cơ quan, đơn vị tỉnh báo cáo:

a) Biên chế, quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định. Trong đó, đề nghị ghi chú:

- Phần quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp, khoản đóng góp theo lương của các cơ quan, đơn vị theo quy định bảo đảm từ nguồn chi quản lý bộ máy hoặc từ nguồn khoán chi.

- Phần quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp, khoản đóng góp theo lương của các đối tượng có hệ số lương, ngạch bậc từ 1,86 trở xuống

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

c) Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2019, trong đó làm rõ:

- Nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương chưa sử dụng hết năm 2018 chuyển sang năm 2019 (nếu có);

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ, phù hợp với lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương năm 2019;

- Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2019 tăng thêm so với dự toán năm 2018 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ);

- Nguồn chưa sử dụng hết năm 2019 chuyển sang năm 2020 thực hiện điều chỉnh lương cơ sở (nếu có).

2. Các huyện, thành phố báo cáo:

a) Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định; trong đó ghi chú các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Mục này.

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2019;

c) Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện cải cách tiền lương năm 2019, trong đó làm rõ:

- Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết năm 2018 chuyển sang năm 2019 (nếu có);

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương năm 2019.

- Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ);

- Nguồn 50% tăng thu NSDP theo quy định (không kể thu tiền sử dụng đất, từ từ hoạt động xổ số kiến thiết);

- Nguồn dành ra để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2019 còn dư (nếu có) sau khi thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành và tỉnh ban hành (trong đó chi tiết nguồn cải cách tiền lương còn dư, số sử dụng cho các chính sách an sinh xã hội).

VII. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN của các huyện, thành phố năm 2019:

Ngoài các yêu cầu chung nêu trên, các huyện, thành phố tập trung đánh giá thêm một số nội dung sau:

1. Khả năng cân đối NSDP so với dự toán, các biện pháp đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối NSDP trong trường hợp dự kiến bị giảm thu NSDP.

2. Địa phương báo cáo cụ thể việc **điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở Nghị quyết số 71, chi tiết việc điều chỉnh kế hoạch nguồn cân đối NSDP, nguồn vốn vay, nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW - nếu có; trong đó cụ thể:**

Việc điều chỉnh nguồn cân đối NSDP tăng thêm cho chi ĐTPT so với kế hoạch đầu tư công trung hạn, việc bố trí kinh phí tăng thêm so với kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các chương trình, dự án đầu tư, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng;

Tình hình bố trí, giao dự toán bổ sung, điều chỉnh và tổ chức thực hiện đối với các chương trình, dự án đầu tư được điều chỉnh, bổ sung theo Nghị quyết số 71/2018/QH14 trong năm 2019; Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh; số 17/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 sửa đổi, bổ sung điều 4 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017;

3. Thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn:

a) Đánh giá tình hình thực hiện đối với từng chính sách, có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó chi tiết đối với hộ nghèo thu nhập, nghèo đa chiều đối với từng

tiêu chí thiếu hụt dịch vụ cơ bản), nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2019 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

b) Căn cứ chế độ chính sách, các địa phương chủ động sử dụng nguồn kinh phí thực hiện các chính sách đã được bố trí ổn định trong cân đối NSDP năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020), nguồn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn cải cách tiền lương còn dư sau khi đã đảm bảo thực hiện cải cách tiền lương trong năm theo quy định (nếu có) để thực hiện, trường hợp còn thiếu kinh phí, Sở Tài chính sẽ trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách năm 2020 để địa phương có nguồn triển khai thực hiện (không xem xét xử lý trong quá trình điều hành ngân sách hàng năm).

4. Đối với các địa phương được phép điều chỉnh, bổ sung tăng biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế theo quyết định của cấp có thẩm quyền, phải chủ động bố trí chi NSDP để đảm bảo kinh phí chi trả cho số biên chế tăng thêm; đối với nhu cầu tiền lương tăng thêm do tăng lương cơ sở, sau khi các địa phương sử dụng các nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương nhưng vẫn không đảm bảo đủ nhu cầu, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ theo quy định về cải cách tiền lương hiện hành.

5. Nguồn cải cách tiền lương năm 2019, số còn dư (nếu có) sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu cải cách tiền lương trong năm 2019, để chi trả thay phần ngân sách cấp trên hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và tỉnh ban hành (giảm tương ứng phần ngân sách cấp trên phải hỗ trợ theo chế độ) và chi đầu tư theo quy định.

6. Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số ngân sách cấp trên hỗ trợ có mục tiêu cho NSDP - nếu có) và sử dụng dự phòng NSDP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; tình hình sử dụng dự phòng NSDP, quỹ dự trữ tài chính (nếu có) đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2019 (chi tiết tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí chống hạn, hỗ trợ bão lũ, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là tình hình thực hiện phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi).

7. Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình mục tiêu; các chương trình, đề án có sử dụng nguồn vốn ngoài nước (nếu có): đánh giá tình hình thực hiện năm 2019, lũy kế thực hiện năm 2016-2019 so với kế hoạch 5 năm 2016-2020 được giao (nếu có) hoặc theo phê duyệt chương trình, đề án, nhiệm vụ. Trong đó lưu ý:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới: kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (ngân sách tỉnh bổ sung, trong đó: chi tiết nguồn vốn trái phiếu Chính phủ; nguồn ngân sách trung ương, nguồn xổ số kiến thiết, nguồn cân đối,...; NSDP và các nguồn huy động khác), số xã hoàn thành mục

tiêu chương trình; trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

b) Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (ngân sách cấp tỉnh bổ sung, trong đó: chi tiết nguồn vốn trái phiếu Chính phủ; nguồn ngân sách trung ương, nguồn xổ số kiến thiết, nguồn cân đối,...; NSDP và các nguồn huy động khác); trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

c) Tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, cụ thể vốn trái phiếu Chính phủ; NSDP và các nguồn huy động khác); trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

12. Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, Thanh tra.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2020

I. Yêu cầu

Năm 2020 là năm cuối triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2011-2020, Chiến lược tài chính đến năm 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016-2020, kế hoạch tài chính quốc gia 05 năm giai đoạn 2016-2020 và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 05 năm giai đoạn 2016-2020; là năm quyết định việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách 10 năm giai đoạn 2011-2020 và 05 năm giai đoạn 2016-2020 đã đề ra của các cấp có thẩm quyền.

1. Dự toán NSNN năm 2020 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31 tháng 12 năm 2019; mục tiêu, nhiệm vụ của các Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt; phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các cơ quan, đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và giai đoạn 2016-2020 của ngành, lĩnh vực và địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2020 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW, Nghị quyết số 25/2016/QH14, Nghị quyết số 26/2016/QH14, Nghị quyết số 71/2018/QH14, các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển một số địa phương theo quy định; triển khai

các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII), Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (Nghị quyết số 27-NQ/TW) và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội (Nghị quyết số 28-NQ/TW) của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII), chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2020 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

3. Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2020 phải theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

4. Các cơ quan, đơn vị tỉnh quản lý ngành, lĩnh vực khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả (đối với các chính sách do trung ương ban hành thì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá và đề xuất với bộ, ngành trung ương); không đề xuất các chính sách làm giảm thu ngân sách; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; **không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.**

II. Xây dựng dự toán thu NSNN.

1. Nguyên tắc chung

Dự toán thu NSNN năm 2020 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, có tính đến khả năng điều chỉnh chính sách của năm kế hoạch, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2019; đồng thời phân tích những nhân tố tác động, việc điều chỉnh tăng giá nguyên liệu đầu vào (xăng, dầu, điện,...) làm thay đổi tình hình sản xuất - kinh doanh, đầu tư, phát triển của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2020; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, các dự án hết thời gian ưu đãi và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

Dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết) năm 2020 **tăng tối thiểu 10%** so với đánh giá ước thực hiện năm 2019.

Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu **tăng tối thiểu 5%** so với đánh giá ước thực hiện năm 2019.

2. Xây dựng dự toán thu nội địa:

a) Các huyện, thành phố xây dựng dự toán thu nội địa năm 2020 ngoài việc phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh); đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN.

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2018, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, yêu cầu phân đầu và khả năng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2019, lũy kế thực hiện 2016-2019; dự báo tăng trưởng kinh tế trên địa bàn năm 2020 và số kiểm tra dự toán thu năm 2020 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

b) Dự toán thu NSNN năm 2020 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các nhà máy mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2020 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2020.

c) Tổng hợp và phân cấp đúng quy định đối với khoản thu thuế bảo vệ môi trường của mặt hàng xăng, dầu; tiền thu cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước (*bao gồm cả số phát sinh từ giấy phép do Trung ương cấp và giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp*); tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương, địa phương xử lý. Trong đó, lưu ý:

- Tiếp tục thực hiện điều tiết tiền thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo phân cấp quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

- Tiếp tục ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa NSTW và NSDP số thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu (trên cơ sở số thu thuế bảo vệ môi trường của mặt hàng xăng, dầu tiêu thụ trên địa bàn, thực hiện điều tiết NSTW 62,8%; thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa NSTW và NSDP do Quốc hội quyết định cho thời kỳ ổn định ngân sách đến năm 2020 đối với số thu còn lại).

d) Dự toán thu tiền sử dụng đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, có tính đến tình hình thực hiện của các năm trước.

đ) Dự toán số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ chi phí liên quan) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải nộp NSNN và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích ĐTPT theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật.

e) Việc xây dựng dự toán thu phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, Thanh tra Chính phủ.

g) Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp NSNN và để lại chi theo quy định, các cơ quan, đơn vị tỉnh, các huyện, thành phố ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2019, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2020 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ đối với từng lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định).

Riêng các cơ quan quản lý hành chính nhà nước dự kiến số phí được để lại chi theo quy định (chi tiết dự kiến việc sử dụng cho chi thường xuyên theo quy định, chi cho các chương trình, dự án đầu tư đã được phê duyệt - nếu có, theo phân kỳ năm 2020 và tiến độ triển khai thực tế).

h) Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (*không thuộc danh mục phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí*), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các cơ quan, đơn vị tỉnh, các huyện, thành phố, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Các cơ quan, đơn vị tỉnh, các huyện, thành phố, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

3. Xây dựng dự toán thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu:

Căn cứ vào dự báo tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ có thuế trong bối cảnh hội nhập, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu; sự chuyển dịch cơ cấu mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng truyền thống có nguồn thu chủ lực và các mặt hàng mới phát sinh.

4. Xây dựng dự toán số hoàn thuế GTGT phát sinh theo quy định của Luật Thuế GTGT:

Căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội, khả năng phát triển sản xuất kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh trên địa bàn, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu thường xuyên phát sinh số hoàn thuế GTGT, các doanh nghiệp có dự án đầu tư để tính đúng, tính đủ, kịp thời số hoàn thuế GTGT phát sinh trên địa bàn theo các chính sách, chế độ hiện hành và các chế độ chính sách mới có hiệu lực thi hành. Xây dựng dự toán số hoàn thuế GTGT gắn liền với yêu cầu tăng cường công tác quản lý hoàn thuế, giám sát, kiểm tra, thanh tra trước và kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT.

5. Dự kiến số hoàn trả các khoản thuế (ngoại trừ dự toán số hoàn thuế GTGT theo quy định tại khoản 4 phần II này), tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa phải sử dụng dự toán chi NSNN năm kế hoạch theo các quy định của pháp luật về thuế, cũng như các chính sách ưu đãi hiện hành (Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;...).

6. Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại:

Căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA và viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã ký kết; tiến độ thực hiện và giải ngân vốn của các chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2019 và dự kiến đến hết năm 2019; Sở Kế hoạch và đầu tư phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại năm 2020 của địa phương mình phù hợp với các hiệp định, thỏa thuận đã ký kết và sát thực tiễn.

III. Xây dựng dự toán chi NSDP

1. Xây dựng dự toán chi ĐTPT:

a) Xây dựng dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN, bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ, vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất - phần trong kế hoạch đã giao và phần dự phòng (nếu có), đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật đầu tư công;

b) Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật NSNN và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: (i) bố trí đủ dự toán năm 2020 để đảm bảo thanh toán hết nợ xây dựng cơ bản và thu hồi hết số vốn ứng trước của các dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung

hạn giai đoạn 2016-2020; (ii) bố trí đủ theo nhu cầu vốn trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã giao của các dự án hoàn thành trong năm 2020; (iii) bố trí vốn đầy đủ theo phân kỳ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án quan trọng quốc gia, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội; (iv) bố trí đủ vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP; (v) chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

Trên cơ sở phê duyệt của cấp thẩm quyền về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn theo Nghị quyết số 71/2018/QH14, cơ quan đơn vị tỉnh, các huyện, thành phố giải trình cụ thể dự toán chi ĐTPT phần được điều chỉnh, bổ sung đối với các dự án đầy đủ thủ tục để triển khai trong năm 2020 theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh; số 17/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 sửa đổi, bổ sung điều 4 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017;

c) Các cơ quan đơn vị ở địa phương có dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, phải lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này năm 2020, trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất phát sinh trong năm 2020; tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT của các cơ quan, đơn vị ở địa phương gửi Sở Kế hoạch và đầu tư và Sở Tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

a) Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2020, các cơ quan, đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2020, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, triệt để tiết kiệm.

Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hiện hành; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; tiếp tục cơ cấu lại NSNN, đồng thời dành nguồn để thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm

xã hội theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII).

Việc xây dựng dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất cần thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn, kinh phí thanh tra, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm cần chú ý xây dựng kinh phí đảm bảo cho các hoạt động này và kinh phí khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, tham gia đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Dự toán chi hoạt động năm 2020 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế. Cụ thể:

- Trên cơ sở Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết 10/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và kế hoạch hành động của từng cơ quan, đơn vị tỉnh, các huyện, thành phố;

- Thực hiện tinh giản biên chế với mức giảm biên chế năm 2020 theo quyết định của cấp thẩm quyền hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt (nếu có);

- Ước tính tác động của sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế đến NSNN, gồm: (i) kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi NSNN do sắp xếp tổ chức bộ máy (giảm chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...); giảm chi NSNN do giảm biên chế (giảm chi quỹ lương, giảm chi thường xuyên,...); (ii) nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

c) Dự toán chi hoạt động năm 2020 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở tiến độ đã thực hiện giai đoạn 2016-2019; mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, mức giảm dự toán gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2020. Ước tính kinh phí dành ra đối với từng mục tiêu, chi tiết giảm chi con người, chi hoạt động bộ máy, giảm chi gắn với lộ trình tăng giá, phí dịch vụ sự nghiệp công và chuyển nhóm đơn vị tự chủ...; cũng như nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

d) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2020:

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Xây dựng dự toán chi trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

cấp tỉnh, cấp cơ sở, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ công sử dụng NSNN và nhiệm vụ khác. Đối với dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập, xây dựng theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo thẻ; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, kinh phí thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Đối với việc lập dự toán chi NSNN từ nguồn phí sử dụng đường bộ theo quy định: Căn cứ các tiêu chí phân bổ kinh phí theo phê duyệt của cấp thẩm quyền, Sở Giao thông vận tải ước thực hiện nguồn thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô được phân bổ năm 2019, dự toán năm 2020, đồng thời dự kiến danh mục dự án, công trình, nhiệm vụ chi năm 2020 gửi Sở Tài chính cùng thời điểm đề xuất dự toán kinh phí NSNN năm 2020, kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2020-2022.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế được giao năm 2020 (trường hợp chưa được giao biên chế, thì xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2019 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2020 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị quy định tại Kết luận số 17-KL/TW), (hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2019.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ; (ii) **Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế**; (iii) Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2020 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng các cấp.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2020 được xác định căn cứ vào việc tăng, giảm nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao trong năm 2020.

3. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực bên cạnh việc lập dự toán thu, chi NSNN năm 2020 (phần trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2020, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

4. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

Các cơ quan, đơn vị tỉnh được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.

Các cơ quan, đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW,

nguồn đối ứng NSDP, nguồn vốn ngoài nước (nếu có) gửi cơ quan quản lý chương trình để thẩm định, tổng hợp, đồng gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Trên cơ sở tổng hợp dự toán của các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, Sở Kế hoạch và đầu tư kiểm tra, tổng hợp chi tiết từng dự án, nhiệm vụ, nguồn vốn gửi Sở Tài chính để làm căn cứ tổng hợp, lập dự toán ngân sách năm 2020 tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

5. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

a) Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, tiến độ khả năng thực hiện dự án năm 2019, trong phạm vi hạn mức vốn ngoài nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và **việc điều chỉnh theo Nghị quyết số 71/2018/QH14**; trên cơ sở cơ chế tài chính của các chương trình, dự án, các cơ quan, đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi ĐTPT, chi thường xuyên; phân biệt rõ tính chất của dự án là cấp phát hoặc vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, mức vốn cho từng phần; ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch.

b) Các chương trình, dự án do tỉnh Tây Ninh tham gia cùng với các tỉnh, thành phố và bộ, ngành trung ương, cơ quan, đơn vị tỉnh hoặc huyện, thành phố được giao chủ trì thực hiện lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

6. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2020:

a) Các cơ quan, đơn vị tỉnh thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm (*trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ*); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư.

b) Các cấp ngân sách thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; nguồn tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); phần kinh phí dành ra từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư – nếu có.

7. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

8. Bố trí dự phòng NSNN:

Ngân sách các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

9. Dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ:

Các cơ quan, đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của các cơ quan, đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố.

10. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2020, các cơ quan, đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố xây dựng dự toán chi chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật NSNN, từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi làm việc với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan đơn vị tỉnh, các huyện thành phố (nếu có đăng ký) triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2020 của cơ quan, đơn vị, huyện, thành phố mình, để khi nhận được dự toán ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo từng lĩnh vực và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo quy định của Luật NSNN.

IV. Xây dựng báo cáo các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Các cơ quan, đơn vị tỉnh được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2019 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2020 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2020 của cơ quan, đơn vị mình tới Sở Tài chính theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư, số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,...; số chi cho các nhiệm vụ; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động và các văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến quỹ (nếu có). Đánh giá hiệu quả hoạt động, các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

V. Xây dựng dự toán ngân sách huyện, thành phố:

1. Xây dựng dự toán thu ngân sách trên địa bàn:

Xây dựng dự toán trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN và các quy định pháp luật có liên quan, Các cơ quan Tài chính, Thuế, Hải quan,

phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu NSNN.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp các huyện, thành phố rà soát, lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, **không dành dự địa để địa phương tự quy định giao chỉ tiêu phân đầu thu**; lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu NSNN Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

2. Xây dựng dự toán chi NSDP:

Xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách các huyện, thành phố được giao năm 2019; mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các giai đoạn 2011-2020 và giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2019, xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành;

Các huyện, thành phố báo cáo chi tiết nhu cầu, nguồn lực, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách mới, hoặc việc điều chỉnh tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách hiện hành trong năm 2019 và nhu cầu năm 2020 theo quy định, để có cơ sở bố trí dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách các huyện, thành phố theo quy định.

Đồng thời thực hiện những nội dung chủ yếu sau:

a) Đối với dự toán chi ĐTPT: Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, Nghị quyết số 71/2018/QH14, Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 4/10/2016 của UBND tỉnh về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu ĐTPT nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 và khả năng nguồn lực NSDP trong thời kỳ ổn định ngân sách.

b) Đối với kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ: Các huyện, thành phố căn cứ vào kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng dự toán chi NSNN chi tiết theo từng nhiệm vụ diễn tập cụ thể và chủ động sử dụng huyện, thành phố để thực hiện, ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ cho các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối.

c) Bố trí dự toán **chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất** để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, **các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng**, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; chủ động phân bổ lập quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ

liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013.

d) Đối với dự toán chi thường xuyên, thực hiện giảm dự toán đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở nhiệm vụ tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020 được xác định căn cứ vào **lũy kế kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2019**, mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, riêng mức giảm biên chế được xác định theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền (nếu có) hoặc là **mức giảm tối thiểu/năm** theo Kết luận số 17-KL/TW, nguồn dành ra để thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 nếu các nguồn theo quy định hiện hành chưa đủ và hỗ trợ các đối tượng chính sách tiếp cận dịch vụ công khi điều chỉnh tăng giá, phí dịch vụ.

Các địa phương lập phương án sử dụng số kinh phí giảm chi thường xuyên cấp trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp y tế và sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm 2020 theo quy định.

e) Đối với các địa phương được phép điều chỉnh, bổ sung tăng biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế theo quyết định của cấp có thẩm quyền, tiếp tục chủ động bố trí chi NSDP để đảm bảo kinh phí chi trả cho số biên chế tăng thêm; đối với nhu cầu tiền lương tăng thêm do tăng lương cơ sở, tổng hợp vào nhu cầu cải cách tiền lương của địa phương để xử lý theo quy định hiện hành.

g) Kinh phí thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp thẩm quyền và Nghị quyết của Chính phủ, và chuẩn nghèo của tỉnh, chi tiết đối với từng loại chuẩn nghèo đa chiều, cụ thể số đối tượng, nhu cầu kinh phí phát sinh năm 2020.

h) Kinh phí phụ cấp, trợ cấp đối với vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 và Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

C. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NSNN 03 NĂM 2020-2022

I. Yêu cầu lập kế hoạch

Thực hiện quy định tại Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (Thông tư số 69/2017/TT-BTC) và giả định tiếp tục các quy định tại thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, việc lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022 đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Căn cứ kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019-2021 đã được rà soát, cập nhật vào thời điểm 31 tháng 3 năm 2019, các trần chi tiêu giai đoạn 2020-2022 do Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo, dự toán ngân sách năm 2020 theo

quy định tại phần trên, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022 theo hướng dẫn tại các văn bản nêu trên.

2. Riêng đối với năm 2021-2022, việc xây dựng số thu, nhiệm vụ chi trên cơ sở Luật NSNN, các Luật về thuế, phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan đang có hiệu lực và các văn bản hướng dẫn; định hướng cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; lộ trình triển khai các Nghị quyết Hội nghị Trung ương Khóa XII, đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW; các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, chương trình, dự án chi ngân sách đang được thực hiện theo phân kỳ được phê duyệt; các thỏa thuận, hiệp định vay nợ đã được ký kết, triển khai theo cam kết.

3. Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2020 và xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025.

II. Lập kế hoạch thu NSNN

1. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 05 năm giai đoạn 2016-2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định, kết quả đạt được giai đoạn 2016-2019 và dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2020; trên cơ sở các định hướng kinh tế vĩ mô tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn địa phương năm 2021-2022 gửi Sở Tài chính để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính - NSNN năm 03 năm 2020-2022.

2. Cục Thuế, Cục Hải quan và các cơ quan khác có liên quan lập kế hoạch thu NSNN năm 2021-2022, trong đó:

a) Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm thu gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự kiến triển khai các chính sách thu mới quy định tại Nghị quyết số 07-NQ/TW, lộ trình cắt giảm thuế quan, các dự kiến tác động thu gắn với triển khai Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ và việc xác định khu vực kinh tế phi chính thức.

b) Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2020-2022 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2019-2021; dự toán thu NSNN năm 2020 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2021, năm 2022 theo quy định tại khoản 2 điều này; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN.

c) Tỷ lệ tăng trưởng thu dự kiến cho giai đoạn 2020-2022 được xác định theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành, đồng thời tính đến:

- Khả năng phát triển kinh tế của địa phương, từng ngành nghề, lĩnh vực trong năm 2020, dự kiến năm 2021-2022 phù hợp với các yếu tố thay đổi về

năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế.

- Các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm thu do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế, thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập; động viên từ khu vực kinh tế phi chính thức;...

- Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

Trên cơ sở đó, phân đầu thu nội địa (*không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết*) tăng tối thiểu 10%/năm, tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tối thiểu 5%/năm.

3. Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các cơ quan, đơn vị tỉnh căn cứ số dự kiến thu năm 2020 để xây dựng kế hoạch thu năm 2021-2022 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (*số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN*) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN.

4. Đối với các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN, các cơ quan, đơn vị tỉnh lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

III. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2020-2022

1. Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2020-2022 của các cơ quan, đơn vị tỉnh được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019-2021, số ước thực hiện năm 2019, trần chi ngân sách giai đoạn 2020-2022 do Sở Tài chính thông báo, dự toán năm 2020 được lập ở Phần B Công văn này; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII.

2. Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2020, các cơ quan, đơn vị tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2020 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2021-2022.

Đối với các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực bên cạnh việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2020-2022 (phần cơ quan trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm

vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2020-2022, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

3. Đối với năm 2021-2022:

a) Việc lập kế hoạch chi ĐTPT căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyển tiếp/đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; gắn với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, các định hướng đổi mới, phát triển nền kinh tế theo các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Khóa XII.

Riêng Sở Kế hoạch và Đầu tư – cơ quan tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh về phân bổ dự toán chi đầu tư XDCB, lập kế hoạch đầu tư giai đoạn 2020-2022 theo cơ chế phân cấp như thời kỳ 2017-2020; đối với các chương trình, dự án, nhiệm vụ chuyển tiếp theo tiến độ thực hiện; các chương trình, dự án, nhiệm vụ mới đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành; phù hợp với định hướng tiếp tục cơ cấu lại ngân sách và nợ công giai đoạn 2021-2030 quy định tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị. Trong đó lưu ý chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết thì bố trí bằng số thu, nguồn thu tiền sử dụng đất bố trí theo quy định.

b) Không lập kế hoạch chi cho các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu. Việc bổ sung kế hoạch chi cho các nhiệm vụ này sẽ được cập nhật sau khi cấp thẩm quyền có chủ trương, quyết định về triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sau năm 2020.

c) Việc lập kế hoạch chi từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài tiếp tục theo các Hiệp định, thỏa thuận vay và cơ chế tài chính đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

d) Lập kế hoạch chi thường xuyên năm 2021-2022:

Lập kế hoạch chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực/hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đối với Nghị quyết số 18-NQ/TW, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2021, các mục tiêu tại Nghị quyết cho giai đoạn từ năm 2021-2025, các mục tiêu theo Đề án được phê duyệt - nếu có, dự kiến cụ thể việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về hoàn thiện tổ chức, bộ máy, về giảm biên chế trong từng năm 2021-2022 và các tác động kinh phí NSNN theo từng mục tiêu, nhiệm vụ (tiết kiệm chi NSNN do giảm đầu mối, giảm biên chế; tăng chi NSNN do thực hiện chính sách tinh giản biên chế).

Đối với Nghị quyết số 19-NQ/TW, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2021, các mục tiêu tại Nghị quyết đến năm 2025, các mục tiêu theo Đề án được phê duyệt - nếu có, thực hiện lập dự toán tương tự dự toán năm 2020 quy định tại khoản 2, Mục III Công văn này, với mức giảm biên chế hàng năm theo Đề án được phê duyệt - nếu có, hoặc hàng năm giảm

bình quân 2,5%, cộng thêm số chưa thực hiện được của giai đoạn trước năm 2021 (nếu có) số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

I. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và huyện, thành phố

- Thực hiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; thực hiện đánh giá kết quả thực hiện thu, chi ngân sách năm 2019, dự toán thu, chi ngân sách năm 2020, kế hoạch tài chính, ngân sách 03 năm 2020-2022 theo các nội dung, mẫu biểu quy định và các nội dung, mẫu biểu tại Công văn hướng dẫn này. Riêng các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố được giao thực hiện các CTMTQG và các CTMT: lập dự toán năm 2020 và giai đoạn 2020-2022 gửi các cơ quan quản lý các CTMTQG và các CTMT. Các cơ quan quản lý các CTMTQG và các CTMT kiểm tra, tổng hợp dự toán thực hiện CTMTQG, CTMT năm 2020 và giai đoạn 2020-2022 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày **24/7/2019**. Trên cơ sở dự toán do các cơ quan quản lý các CTMTQG, CTMT lập, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tổng hợp và lập dự toán chi năm 2020, từng năm của giai đoạn 2020-2022 đối với từng cơ quan, đơn vị và từng huyện, thành phố gửi Sở Tài chính để tổng hợp theo quy định trước ngày **29/7/2019**.

II. Về biểu mẫu lập và báo cáo dự toán NSNN năm 2020 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2020 - 2022

1. Đối với dự toán năm 2020: áp dụng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP và các mẫu biểu ban hành kèm theo Công văn này. Riêng đối với Biểu số 4 – Tổng hợp dự toán thu NSNN từ nguồn thu xử lý nhà, đất do Cục Thuế Tây Ninh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài chính để lập.

2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022: áp dụng các mẫu biểu từ số 01 đến số 06 và mẫu biểu từ số 13 đến số 19 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

(Biểu mẫu được đăng trên trang website Sở Tài chính)

III. Thời gian lập dự toán NSNN năm 2020 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2020-2022:

1. Thời gian gửi dự toán, phương án phân bổ dự toán CTMTQG, CTMT: như quy định tại Mục I, phần D Công văn này.

2. Thời gian gửi dự toán thu ngân sách nhà nước đối với các cơ quan Thuế, Hải quan và các cơ quan, đơn vị có thu NSNN có liên quan, gửi Sở Tài chính trước ngày 27/7/2019.

3. Thời gian các đơn vị dự toán cấp I; các cơ quan, đơn vị khác của cấp tỉnh có liên quan đến việc lập dự toán thu, chi NSNN, thu, chi từ nguồn thu được

để lại; các huyện, thành phố gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 27/7/2019.

4. Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi báo cáo đánh giá, dự toán năm 2020 và kế hoạch 03 năm 2020-2022 đối với các nội dung có liên quan về chi đầu tư xây dựng cơ bản, CTMTQG và các CTMT về Sở Tài chính trước ngày **27/7/2019**.

Trong quá trình thực hiện nếu có những chính sách chế độ mới ban hành và phát sinh vướng mắc, Sở Tài chính sẽ hướng dẫn bổ sung và đề nghị các cơ quan, đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- LĐ. Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế;
- Cục Hải quan;
- Các phòng thuộc Sở Tài chính;
- Phòng TC-KH các huyện, tp;
- Chi cục thuế các huyện, tp;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT. Sở, QLNS.

Phô tô:.....bản.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**